**TẬP 16**

**Chương trình Tiếng Hàn cơ bản**

**Cùng nói tiếng Hàn!**

**Tập 16 - Chủ đề ‘ 고민과 상담 ’**

| 1. **HỘI THOẠI 1** |
| --- |
| **상황/ Bối cảnh**  Miki, Huy, 탄하, 하윤 4명이 등장하는 설정.  Miki, Huy,Thanh Hà và Hayun 4 người cùng xuất hiện.  (미키와 Huy가 나란히 앉아서 한숨들 쉬고 있다.)  Miki và Huy đang ngồi thẳng hàng nhau và cùng thở dài.  **대화/ Hội thoại**  **미키와 Huy는 핸드폰 화면에 나오는 시험결과를 보고 한숨을 쉬고 우울해 진다/ Miki và Huy nhìn bảng thông báo điểm thi trên điện thoại thở dài ngao ngán, chán chường**  미키: 아~ 어떡하지? 이건 아닌데 ㅠㅠ 난 열심히 했는데 점수는 *(한숨)* 왜 이렇게 바닥이지? ㅠㅠ  미키: A ~ Làm sao bây giờ. Sao cứ sai sai ý nhỉ. Mình học chăm chỉ như thế mà sao điểm số hết hồn thế này đc nhỉ?  Huy: 나도 밤을 새우면서 공부했거든. 근데 *(한숨)* 점수는 기대만큼 안 되네. 유학이 쉽지 않구나 ㅠㅠ  Huy: Tớ còn thức cả đêm để học luôn ý. Thế mà điểm số cũng chẳng được như mong đợi. Đúng là việc đi du học không dễ dàng chút nào.  미키: 응 계속 이러면 위기에 빠질 것 같아. 아~ 한국에 온 지 얼마 안 되는데 벌써 귀국시키면 어떡하지? ㅠㅠ *(걱정에 오바한 말투와 표정)*  미키: Ừ nếu cứ như này mãi thì tớ rơi vào khủng hoảng mất. Ôi tớ mới sang Hàn chưa được bao lâu ý, chưa gì đã bị cho về nước thì biết làm sao giờ huhu? *(nói và thể hiện kiểu hơi bị over)*  Huy: 야 정신차려/ 야 침착해. 그 정도는 아니잖아. 좀 오바하고 있어.  나도 눈물이 날 지경이지만 으휴  Huy: Cậu bình tĩnh lại đi xem nào. Làm gì mà đến nỗi như thế. Cậu hơi làm quá rồi đấy.  Dù tớ cũng đang trong tình trạng rớt nước mắt đây.  **어디서 나타나는 하윤과 탄하가 이번에 시험이 너무 잘 봐서 치킨을 먹으러 가는 길인데 기죽는 미키와 Huy를 발견하고 궁금한 표정으로 다가가서 물었다/ Từ đâu đó Thanh Hà và Hayoon xuất hiện, 2 bạn đang cười nói vui vẻ vì lần này thi quá tốt nên tính thưởng cho bản thân một bữa gà siêu ngon, chợt 2 bạn nhìn thấy 미키 và Huy đang ngồi ủ rũ ở một góc ghế đá.**  *비고: 미키는 오바한 사람으로 설정*  **(아이엠그라운드 게임처럼 걸으면서 부르기/ Vừa đi vừa hát và đùa với nhau giống như đang chơi game I am ground (**[**Ví dụ tại đây**](https://www.youtube.com/watch?v=tv8eJ9yLLNs)**)**  **탄하, 하윤:** 치킨-치킨, 치킨-치킨-치킨  Thanh Hà và Hayoon: Gà ơi, Gà ơi, Gà xinh gà yêu của các chị ơi~  **탄하:** 나는 다리  Thanh Hà: Tớ xí phần đùi  **하윤:** 나는 날개  Hayoon: Còn tớ phần cánh  **탄하:** 나는 가슴  Thanh Hà: Tớ chặn phần ức  **하윤:** 나는… 오 뭐야? 둘이 왜 여기 있어?  Hayoon: Tớ chặn phần… Ơ gì đây? Hai cậu làm gì ở đây thế?  **탄하:** 미키야 왜 그래? Huy도 힘이 없어 보이네.  Thanh Hà: 미키, cậu sao thế? Huy sao cũng trông uể oải vậy?  **미키:** 묻지도 마. 골치 아파. *(찡찡대면서 말한다)* 으휴 ~ 사실 나, 고민이 있어.  미키: Thôi cậu đừng hỏi nữa. Tớ đang đau đầu quá đây. (Kể lể) Haizz thật ra, tớ cũng đang có 1 chuyện rất là trăn trở  **하윤:** 고민? 무슨 고민?  Hayun: Băn khoăn á? Cậu băn khoăn điều gì?  **미키:** 시험 결과가 나왔는데 완전 충격적이야. 내 인생에 이런 충격도 받다니. 말도 안 돼.  미키: Vừa có kết quả thi và tớ bị sốc quá. Đời tớ mà cũng có lúc bị sốc đến thế này ư. Đúng là không thể tin nổi.  **Huy:** 아, 나도 마찬가지야. 이번은 완전 실망이야. 어떡하지?  Huy: Ôi, Tớ thì có khác gì đâu. Lần này siêu thất vọng luôn ấy. Phải làm sao đây?  **미키:** 유학을 계속 할 수 있을까? 베트남으로 날 돌려보내지는 않겠지?  미키: Liệu tớ có thể tiếp tục du học không đây? Nhà trường chắc không gửi trả tớ về lại Việt Nam đâu nhỉ?  **하윤:** 뭐야? 도대체 시험을 어떻게 봤길래 그래?  Hayun: Cái gì? Rốt cuộc cậu thi cử thế nào mà thế?  **미키:** 여기.. (성적표를 보여준다)  미키: Ở đây…(chìa tờ kết quả thi)  **탄하:** 엥? 이게 점수야? 정말 충격적이네.  Thanh Hà: Cái gì? Điểm thi đây á? Ôi sốc thật đấy.  **Huy:** 내 점수도 비슷해 (성적표 보여줌) 성적이 안 좋아서 눈물이 날 지경이야.  Huy: Điểm của tớ cũng na ná (chìa cho xem điểm) điểm thi không tốt tớ cũng gần khóc đến nơi.  **탄하:** 무슨 일이 있었어? 점수가 왜 이래?  Thanh Hà: Đã có việc gì vậy? Điểm chác sao lại thế này?  **미키:** 아.. 모르겠어. 요즘 의욕도 없고 수업시간에도 집중이 안 돼 ㅜㅜ. 근데 시험 준비 기간 동안 진짜 열심히 했거든. 결과가 이렇게 될 줄 몰랐어 ㅠㅠ  미키: À, tớ chẳng biết nữa, dạo này tớ chẳng thấy có hứng thú với cái gì cả. Trong giờ học cũng không tập trung được. Nhưng mà tớ thề là lúc chuẩn bị ôn thi thì tớ chăm lắm ý, ai mà ngờ kết quả lại chán như này hichic.  **Huy:** 나도 요즘 이상해. 책만 펼치면 졸려. 책을 보면 머리가 어지러울 지경이야.  Huy: Tớ dạo này cũng lạ lắm. Cứ mở sách ra thôi là đã thấy buồn ngủ rồi. Cứ nhìn sách thôi là đầu óc lại quay cuồng.  **미키:** 나도, 나도. 나만 그런 거 아니네.  미키: Tớ cũng thế. Thì ra không phải mình tớ như vậy.  **Huy:** 시험을 못 볼까 봐 공부할 때마다 잠을 깨려고 커피를 얼마나 많이 마셨는데. 심지어 밤까지 새워서 공부했거든. 결국 점수가… 으휴… 더 이상 할 말 없어 ㅠㅠ  Huy: Sợ thi bị điểm kém nên tớ còn phải uống bao nhiêu là cà phê để cho tỉnh táo, còn thức cả đêm để học. Thế mà điểm số làm tớ không còn gì để nói luôn.  **탄하:** 음.. 이제 그 시기가 왔구나. 슬럼프에 빠지는 시기.  Thanh Hà: ừm, bây giờ chính là thời kì đó rồi đây. Thời kì các cậu rơi vào trạng thái rớt phong độ.  **하윤:** 그렇지? 그런 것 같아.  Hayun: Đúng nhỉ? Có vẻ như thế.  **미키:** 응? 뭐가 왔다고?  **미키:** Gì? Cái gì đến cơ?  **Huy:** 트럼프! 도널드 트럼프. 미국 대통령! *(똑똑한 척하면서 허세 부린다)*  Huy: Trump! Donal Trump ý! Tổng thống Mỹ *(Tài lanh mà còn hay nói)*  **미키:** 엥? 왜 갑자기 그 사람 얘기가 나오는거야? 그리고 그 사람이 우리 점수랑 무슨 상관인데?  미키: Ơ, cái gì? Sao tự nhiên ông ấy lại đến đây. Mà ông ấy thì liên quan gì đến điểm số của tụi mình.  **탄하:** 으휴! 두 사람, 귀 좀 파세요! ~ 트럼프(Trump)가 아니고! 내가 말하는 것은 슬럼프야. 지금 너희는 슬럼프에 빠진 거야.  Thanh Hà: Ôi trời, hai cậu nghe cho kỹ lại giùm. Không phải là Trump mà cái tớ nói đến là slump. Giờ các cậu đang rơi vào tình trạng slump.  **미키:** 아~ 슬-럼-프 *(천천히 뚜렷하게 발음한다)*. 슬럼프가 뭐야?  미키: À, Slump *(đọc chậm rãi).* Slump là gì?  **하윤:** 응. 어느 순간, 생활이나 공부에서 훈련이나 연습을 반복해도 힘들기만 하고 효과가 없는 경우를 ‘슬럼프에 빠졌다’고 말해.  Hayun: Ừm. vào một thời điểm nào đó, sự luyện tập trong công việc hoặc cuộc sống lặp đi lặp lại nhưng mọi người chỉ cảm thấy mệt mỏi chứ không có tí hiệu quả nào. Trường hợp đó được gọi là rơi vào thoái trào.  **미키:** 맞아 맞아. 딱 내 이야기야.  미키: Chuẩn luôn, đúng là câu chuyện của tớ là thế đó.  **Huy:** 슬럼프는 왜 있는거지?  Huy: Vì sao lại có sự tụt dốc, thoái trào nhỉ.  **탄하:** 어쩔 수 없어, 유학생이라면 누구나 한번쯤 슬럼프를 겪기도 해.  Thanh Hà: Cái đó thì không thể tránh được, nếu là du học sinh thì ai cũng từng một lần trải qua cái cảm giác thoái trào ấy.  **하윤:** 유학생활을 하다 보면 슬럼프에 빠질 수도 있어.  Hayun: Trong khoảng thời gian du học, du học sinh cũng có thể rơi vào tình trạng thoái trào đó..  **미키:** 잘 못하거나 게을러서 그런 것이 아니고?  미키: Cái đó không phải là vì mình kém hay mình lười?  **탄하:** 잘 못하거나 게을러서 그런 것은 아니야. 나도 슬럼프에 빠졌던 적이 있어.  Thanh Hà: Không phải do kém hay do lười đâu. Tớ cũng đã từng rơi vào tình trạng thoái trào ấy.  **하윤:** 슬럼프에 빠지는 것은 어쩔 수 없어. 하지만 슬럼프를 극복하는 것이 중요해  Hayun: Việc rơi vào cảm giác đó là điều không thể tránh khỏi, nhưng mà quan trọng là khắc phục được sự thoái trào đó.  **Huy:** 탄하와 하윤은 슬럼프를 어떻게 극복했어?  Huy: Thanh Hà và Hayun đã khắc phục điều đó như thế nào vậy?  **탄하:** 친구들이나 선배들에게 유학 생활에 대한 고민을 이야기하고 조언을 구했어.  Thanh Hà: Tớ chia sẻ những trăn trở về cuộc sống du học sinh với bạn bè hoặc các anh chị khoá trên và đã tìm lời khuyên từ họ.  **하윤:** 나 같은 경우는 학교에 있는 ‘유학생 상담 프로그램’을 이용했어.  Hayun: Với trường hợp của tớ thì tớ đã sử dụng chương trình tư vấn dành cho du học sinh ở trường.  **Huy:** 유학생 상담 프로그램? 그게 뭐야?  Huy: Chương trình tư vấn dành cho du học sinh? Cái đó là gì vậy?  **탄하:** 대학교에서 운영하는 유학생 상담 프로그램이야.  Thanh Hà: Đó là chương trình tư vấn dành cho du học sinh do trường đại học vận hành.  **하윤:** 유학생의 한국 생활 적응과 즐거운 학교 생활을 위해 만들어진 상담 프로그램이야.  Hayun: À đó là chương trình tư vấn được vận hành để du học sinh thích nghi được với cuộc sống ở Hàn Quốc và có được cuộc sống sinh viên thật vui tươi.  **탄하:** 공부가 너무 힘들거나, 유학생활에 어려움이 있는 유학생들은 상담을 통해 조언을 구하거나 도움을 받을 수 있어.  Thanh Hà: Những du học sinh cảm thấy việc học quá mệt mỏi hoặc khi gặp khó khăn gì trong cuộc sống của du học sinh thì có thể nhận sự giúp đỡ hoặc tìm những lời khuyên nhờ những sự tư vấn này.  **미키:** 상담을 받으면 도움이 돼?  미키: Nếu được tư vấn xong thì có ổn hơn không?  **탄하:** 물론이지, 자기 혼자 고민하고 있는 것보다 상담을 받으면 훨씬 도움이 돼  Thanh Hà: Đương nhiên rồi, so với việc một mình băn khoăn trăn trở thì thì nhận được tư vấn sẽ tốt hơn nhiều chứ.  **하윤:** 전문 상담사와 상담하다 보면 해결 방법을 찾을 수도 있을 거야.  Hayun: Nếu cậu thử tư vấn cùng chuyên gia thì cậu sẽ có thể tìm được cách giải quyết đấy.  **탄하:**해결 방법뿐만 아니라 심리적 안정도 얻을 수 있어  Thanh Ha: Không chỉ là phương án giải quyết đâu mà cậu còn có thể tìm được sự yên ổn về mặt tâm lý đấy.  **Huy:** 상담은 어디에서 받을 수 있어?  Huy: Mình có thể nhận tư vấn ở đâu nhỉ?  **탄하:** 학교 홈페이지에서(화면 보여주면서) 여기로 문의하면 될거야.  Thanh Hà: Trên trang web của trường (chìa màn hình) thì cậu vào hỏi ở đây là được.  **미키:** 응, 고마워 상담 프로그램을 통해 고민을 상담해 볼게.  미키: Ừm. Cảm ơn cậu. Tớ sẽ thử tư vấn qua các chương trình tư vấn của trường.  **탄하:** 또 유학 생활을 하면서 조언이 필요하면 언제든지 물어봐. 우리가 도와줄게.  Thanh Ha: Trong thời gian du học tại đây, bất kỳ khi nào cần lời khuyên gì thì cứ hỏi tụi tớ nhé. Tụi tớ sẽ luôn giải đáp giúp cậu.  **하윤:** 근데 미키야, 여기 좀 봐 봐. 내가 이상한 것을 발견했어.  Hayoon: Nhưng mà Miki ơi. Cậu nhìn thử xem này, tớ phát hiện ra cái này lạ lắm.  **미키:** 뭔데?  Miki: Gì vậy?  **하윤:** 이상하네. 미키의 생일은 11월인데 왜 여기는 8월로 되어 있지?  Hayoon: Kỳ ghê á. Sinh nhật Miki là tháng 11 mà, sao ở đây lại viết là tháng 8 nhỉ?  **미키:** 아 진짜? 어디 어디? 오~ 8월이네… 내 생일이 아닌데?. 그럼 내 점수도 아니네! *(얼굴이 밝아지고 환해진다)*  Miki: Ơ thật á? Đâu đâu? Ô đúng tháng 8 này. Không phải ngày sinh của tớ này. Thế thì điểm này cũng không phải điểm của tớ nhỉ.  **탄하:** 뭐야? 귀는 안 들리고 이제는 눈도 안 보이냐?  Thanh Hà: Gì đây? Tai đã k nghe rõ rồi giờ cả mắt cũng nhoè luôn ấy hả?  **미키:** ㅎㅎ. 근데 내 점수는… 오 다음 페이지에 있네. 오!!! 80점이다.  Miki: Hì hì. Nhưng mà điểm của tớ thì… ô… ở trang sau nè. Ôi, tớ được 80 điểm này.  하윤과 탄하는 서로를 보면서 한숨을 쉰다.  Hayoon và Thanh Hà nhìn nhau thở dài  **Huy:** 진짜? 와 나도 나도. 나도 다시 볼래. 나도 잘못 봤을 수도 있어. *(핸드폰을 꺼내서 얼굴을 핸드폰에 박는다)*  Huy: Thật á? Ôi tớ nữa tớ nữa. Tớ cũng muốn xem lại. Biết đâu tớ cũng xem nhầm thì sao. (Huy rút điện thoại ra và cắm mặt vào để check lại điểm)  **미키** *(휘의 말 무시하고 자기의 세상에만 빠지고 있다):* 치킨아 ~ 피자야~ 언니 왔다 ~~ 머리부터 발끝까지 사랑스러워 (노래 부른다)  Miki: Gà ơi, Pizza à, chị đến đây ~~ Từ đầu đến chân sao em đáng iu đến vậy.  **Huy** *(주저앉는다): 이게 뭐야? 왜 내 점수는 아직 그대로야? ㅠㅠ*  Huy (ngồi sụp xuống đất): Gì đây? Sao điểm của tớ vẫn y hệt vậy huhu  하윤과 탄하는 서로를 보면서 또 한숨을 쉰다.  Hayoon và Thanh Hà nhìn nhau và lại thở dài.  **미키:** 휘야 괜찮아!지금 슬퍼할 시간이 아니야! 지금 시험 점수보다 더 중요한 문제가 있어!  Miki: Huy à! Không sao đâu mà! Bây giờ không phải lúc để buồn đâu! Bây giờ có 1 vấn đề còn quan trọng hơn điểm số cơ!  **탄하와 하윤:** 엥? 뭔데?  Thanh Hà và Hayoon: Hả? Là gì vậy?  **Huy** *(눈물을 머금고 말한다)***:** 뭔데? 난 점수 때문에 우울해서 곧 쓰러질 지경인데 뭐가 더 중요하냐?  Huy (ngậm ngùi nuốt nước mắt và nói): Lại gì nữa? Vì điểm số mà tớ buồn sắp ngất ra đây rồi, giờ còn gì quan trọng nữa hả?  **미키:** 금강산도 식후경이라고 하잖아! 먹다 보면 심리적 안정을 찾을 수 있으니 점수에 대한 우울함과 슬픔이 곧 잊혀질 거야.  Miki: Người ta bảo là “Có thực mới vực được đạo” cơ mà. Ăn vào thì mình sẽ tìm được sự ổn định về tâm lý nên cậu sẽ sớm quên đi nỗi buồn về điểm số thôi.  **탄하와 하윤:** 오~ 맞는 말이긴 하네  Thanh Hà và Hayoon: Oh ~ Nói cũng đúng nhỉ  **Huy** *(우울해하다가 먹자는 말을 들으니 뚝 그치고 말한다):* 진…진짜? 근데 내 점수는… ㅜㅜ?  Huy: Thật á? Nhưng mà điểm số của tớ … huhu  **탄하:** 야 ~ 그럴 수도 있지! 점수가 중요하냐? 너 자신이 중요하지! 밥을! 응! 든든하게 먹고! 힘내서 다음에 시험 잘 보면 되잖아!  Thanh Hà: Này, điểm thì cũng có thể kém mà. Điểm số quan trọng à? Bản thân cậu mới quan trọng chứ. Giờ cậu phải ăn cho thật chắc bụng vào xong rồi cố lên để lần sau thi được điểm tốt là được mà.  **하윤:** 오 ~ 탄하! 전문 상담사같네. 우리가 아는 탄하 맞아? ㅋㅋㅋㅋㅋ 근데 탄하의 말이 맞아. 점수는 그냥 숫자야. 뭘 배웠는지, 그게 제일 중요하지!  Hayun: Ồ, Thanh Hà như là chuyên gia tư vấn ấy nhỉ? Đây có phải Thanh Hà mà tớ biết không thế? Kkkk Nhưng mà Thanh Hà nói đúng đấy, điểm số cũng chỉ là con số thôi, cậu học được gì, điều đó mới là quan trọng.  **Huy:** 응 그래 ~ 근데… 지금 뭐 먹을까? 지금 나는 우울하니까 우동은 어때?  Huy: Ừ, thôi được rồi. Nhưng mà giờ mình ăn gì bây giờ nhỉ? Tớ đang buồn sầu ý, đi ăn Udong thì sao?  **미키:** 뭔 소리야? 이럴 때는 치킨이지?  Miki: Cậu nói gì vậy? Những lúc như này thì phải ăn gà chứ?  **Huy:** 치킨은 맨날 먹잖아! 족발이나 보쌈을 먹자!  Huy: Gà thì ngày nào chả ăn rồi! Thôi ăn Chokbal hay Bossam đi  **미키:** 이런 날이면 닭고기를 먹어야지!  Miki: Ngày như này thì phải ăn gà chứ  *(뭘 먹을 건지 정하지 못하고 계속 티격태격하는 상황)*  *Hai bạn vẫn đứng đó chí choé với nhau và vẫn chưa quyết định được sẽ ăn gì*  **하윤** *(탄하보고 말한다)***:** 아까 점수 때문에 우울했던 사람들 맞아? *(한숨)*  Hayun (nhìn sang Thanh Hà và nói): Có đúng là hai người này vừa buồn vì điểm số không vậy?  **탄하:** 봤지? 음식의 힘! 장난이 아니야~  Thanh Hà: Cậu thấy chưa! Sức mạnh của đồ ăn đấy! Không phải đùa đâu.  **하윤** *(말하면서 움직인다)***:** 냉면 먹으러 갈 사람 따라와!  Hayun (lắc đầu, vừa đi vừa nói ngược lại): Ai ăn mỳ lạnh thì đi theo tớ!  **셋이:** 나,나,나~ (하윤이 가는 방향으로 주루룩 따라간다)  Ba bạn: Tớ tớ tớ (cả ba cùng dơ tay và chạy theo hướng Hayoon di chuyển) |
| 1. **TRANH LUẬN** |
| **MC : 고민이 있다면, 다른 사람에게 조언을 구하는 것이 좋다. VS 그렇지 않다.**  MC: Khi bạn có băn khoăn trăn trở thì nên tìm lời khuyên từ người khác hay không.  **MC: Ready! Fight!**  **미키:** 저는 ‘자기의 고민은 스스로 해결하는 것이 좋다’ 고 생각해요.  미키: Tớ thì nghĩ rằng băn khoăn trăn trở của mình thì mình tự giải quyết.  **Huy:** 저는 혼자 고민하는 것 보다는, ‘다른 사람과 상담하거나 조언을 구하는 것이 좋다’고 생각합니다.  Huy: Tớ thì nghĩ rằng nên tìm lời khuyên hoặc nhận tư vấn của người khác sẽ tốt hơn là băn khoăn trăn trở một mình.  **미키:** 자기의 고민인데 굳이 다른 사람에게 말해 줘야 하나요? 그 사람이 나의 문제에 대해 과연 얼마나 이해해 줄 수 있을까요?  미키: Trăn trở của mình thì có nhất thiết phải kể cho người khác không? Liệu rằng người đó có thể hiểu được vấn đề của mình đến đâu cơ chứ?  **Huy:** 자기 혼자 고민하면 해결 방법이 갑자기 생기나요? 여러 사람의 의견을 들어본 뒤 다른 사람의 경험과 지식을 통해 더 나은 결정을 내릴 수 있지 않을까요?  Huy:Cứ trăn trở một mình là nghĩ ra cách giải quyết à? Sau khi nghe ý kiến của mọi người và thông qua những kinh nghiệm, kiến thức của những người khác chẳng phải chúng ta có thể đưa ra một quyết định tốt hơn hay sao?  **미키:** 여러 사람의 조언을 들으면, 여러 가지 조언을 들을 텐데, 그렇게 되면 오히려 해결 방법을 찾기가 더 어려워지는 거 아니에요? 또 나의 결정을 믿지 못하고 다른 사람에게 의존하게 될 수도 있어요.  미키: Nếu nghe lời khuyên của mọi người, thì chúng ta sẽ nhận được quá nhiều lời khuyên. Ngược lại, chẳng phải là sẽ khó để tìm được cách giải quyết hay sao. Hơn nữa mình không thể tin và quyết định của mình và cũng có thể bị phụ thuộc vào người khác.  **Huy:** 문제 해결 방법이나 정답을 찾기 위해서 조언을 구하는 것만은 아니에요. 조언을 통해 실수나 실패의 확률을 줄일 수 있게 됩니다.  Huy: Để giải quyết vấn đề hoặc là để tìm ra đáp án không phải chỉ là việc tìm những lời khuyên. Chỉ là mình sẽ rút được khả năng thất bại hoặc những sai lầm từ những lời khuyên đó  **미키:** 다른 사람의 조언이 항상 옳거나 상황에 맞는 건은 아니죠. 조언하는 사람도 전문가가 아닐 수도 있고요.  미키: Không phải là lời khuyên của người khác là luôn đúng hoặc luôn phù hợp với tình huống đó đâu. Bởi vì người đưa ra lời khuyên cũng có thể không phải là chuyên gia mà.  **Huy:** 한국 속담에 ‘백지장도 맞들면 낫다’ 라는 말이 있어요. 자신의 문제를 혼자 고민하는 것보다는 다른 사람과 함께 해결하는 것이 낫다고 생각합니다.  Huy. Tục ngữ tiếng Hàn chẳng có câu là “Dù chỉ là trang giấy trắng, cùng nhau khiêng sẽ tốt hơn” còn gì. So với việc một mình trăn trở nghĩ suy thì tớ nghĩ rằng việc giải quyết những điều đó cùng người khác sẽ tốt hơn.  **미키:** 에이, 함께 해결해야 되는 일도 있겠지만, 자신의 고민이나 문제는 우선 스스로 해결하는 것이 낫다고 생각합니다.  “발 없는 말이 천리 간다”고 했어요. 자신의 문제나 고민을 다른 사람에게 말해 봤자 자신의 문제를 다른 사람에게 소문낼 뿐이라고요.  미키: Ề, Tớ thì nghĩ rằng đúng là có những việc phải cùng giải quyết nhưng mà việc của mình thì mình tự giải quyết trước sẽ tốt hơn. Chẳng có câu “Lời nói không chân mà đi ngàn dặm” còn gì. Vấn đề của mình, trăn trở của mình thử nói cho người khác mà xem, rồi chỉ khiến thành tin đồn mà thôi.  **Huy:** 흥, 미키 씨는 세상을 혼자 산다고 생각하나 봐요? 다른 사람의 조언은 필요가 없다니. 인간은 사회적 동물이라고요.  Huy: Hừm. 미키 nghĩ rằng cậu sống một mình trên thế giới này à? Không cần lời khuyên của người khác. Người ta vẫn bảo con người là động vật có giao tiếp xã hội còn gì.  **미키:** 그럼 Huy 씨는 남이 하라는 대로만 살 거예요? 자기의 생각과 결정이 중요하죠! 결국 중요한 것은 자신의 판단입니다!  미키: Vậy thì cậu sẽ sống theo ý người khác ư? Suy nghĩ và quyết định của bản thân mới là quan trọng chứ. Kết cục cốt lõi là phán đoán của chính bản thân mình.  **MC:** 여러분, 여러분은 어떻게 생각합니까? 미키처럼 “자기의 고민을 다른 사람에게 말하는 대신, 그냥 마음이 가는 대로 스스로 해결한다” 아니면 휘처럼 “주변 사람에게 자기의 고민을 말하고 상담과 조언을 적극적으로 받으며 문제를 해결한다”?  아주 어려운 질문이죠? 선택은 여러분께 맡기겠습니다.  Các bạn thấy sao ạ? Bạn sẽ chọn giống Miki “Nếu là vấn đề của bản thân mình thì mình sẽ không làm phiền người khác mà sẽ tự giải quyết theo như ý của mình” hay sẽ lựa chọn giống Huy “Nói những trăn trở của mình với mọi người xung quanh để có thể được tư vấn và nhận lời khuyên sau đó giải quyết vấn đề”.  Thật sự rất khó để lựa chọn đúng không nào? Lựa chọn cuối cùng là của các bạn. |